

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/03/2021.

V/v: Ly hôn.

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Sỹ Định và ông Nguyễn Đình Phú.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:**  
Ông Đinh Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1997. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: Kiệt B, thôn X, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần T, sinh năm: 1996; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt lần thứ hai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 02 tháng 10 năm 2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Chị H và anh T chung sống với nhau từ đầu năm 2019, nhưng đến ngày 11/7/2019 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trước khi kết hôn hai người có sự tự nguyện tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng sống có hạnh phúc được thời gian 06 tháng, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Từ tháng 12/2019, giữa hai người sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được. Chị H không còn tình thương yêu anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị H đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao sổ hộ khẩu gia đình; bản sao giấy chứng minh nhân dân.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Trần T được nhận, nhưng trong thời hạn luật định anh T không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 14/01/2021, Ủy ban nhân dân thị trấn P và gia đình anh Trần T cho biết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần T chung sống với nhau từ đầu năm 2019 nhưng đến ngày 11/7/2019 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P.

Về việc tổng đạt văn bản tố tụng: Ủy ban nhân dân thị trấn P đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã giao lại cho gia đình anh T (gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) nhưng anh T bận việc không đến Tòa án để làm việc. Do anh Trần T vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/02/2021, Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng do anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 02/03/2021, đồng thời tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T. Tại phiên tòa hôm nay, anh T tiếp tục vắng mặt lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn nhiều lần vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 4 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn cố tình vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và hai lần vắng mặt tại phiên tòa.

Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần T có đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa nguyên đơn và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa chị H và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, nguyên đơn và anh T đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Do vậy hôn nhân của chị H và anh T đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn trình bày vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H. Chị H được ly hôn anh Trần T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001629, ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đường sự;
- UBND. T.T P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Sang**

